

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 25-8-2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Ông Lê Đức Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị D trình bày:*

Tôi và ông Lê Đức Th tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 06/10/2008.

Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng tôi về tại Thôn 4, xã H, thành phố B làm ăn sinh sống, quá trình sống chung đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xảy ra xô xát, cãi vã nhau, ông Th không quan tâm, chăm sóc gia đình, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Lê Đức Th.

Về con chung: Trong quá trình sống chung chúng tôi có 02 con chung là: Lê Hoàng Uyên Tr, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Hoàng Đức N, sinh ngày 07/7/2013, cả hai cháu hiện sống chung với vợ chồng, nguyện vọng của tôi là được nuôi dưỡng cả 02 con chung và nguyện vọng này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con chung. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tôi làm nghề thợ may, có nhà ở, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con chung, còn ông Th làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, và thường xuyên đi vắng, không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Đức Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên không lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng.

- *Về nội dung*: Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị D được ly hôn ông Lê Đức Th.

-Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Hoàng Uyên Tr, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Hoàng Đức N, sinh ngày 07/7/2013 cho bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành ( đủ 18 tuổi).

Ông Lê Đức Th có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, ông Lê Đức Th không phải chịu án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Lê Đức Th cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Hoàng Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Đức Th vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị D là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị D xin ly hôn ông Lê Đức Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D, ông Th tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 06/10/2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà D trình bày trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra đã lâu nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà D có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Th.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình vợ chồng bà D, ông Th, chung sống tại địa phương từ năm 2008 thì có phát sinh mâu thuẫn nên bà D yêu cầu giải quyết việc ly hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành xác minh và tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông Th cố tình vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nên Tòa án không lấy lời khai được.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà D, ông Th đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Lê Đức Th của bà Hoàng Thị D là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Bà D, ông Th có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Uyên Tr, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Hoàng Đức N, sinh ngày 07/7/2013, bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay con chung đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, qua tham khảo ý kiến của con chung trên 07 tuổi cả 02 con chung đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ, bà D làm nghề may, có nơi ở và thu nhập ổn định

đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, còn ông Th làm nghề tự do, thu nhập không ổn định lại thường xuyên vắng nhà nên để ổn định cuộc sống của các con chung cần giao cả 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Đức Th không phải chịu tiền án phí .

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị D được ly hôn ông Lê Đức Th.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Hoàng Uyên Tr, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Hoàng Đức N, sinh ngày 07/7/2013 cho bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành ( đủ 18 tuổi).

Ông Lê Đức Th có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ ( Ba

trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Hoàng Thị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021 0012735 ngày 22/4/2022 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Ông Lê Đức Th không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND x.V, h.P, t. Thừa Thiên Huế
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**